

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;
Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016- 2020;
Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định Chi số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn II (2016 - 2020);

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức - Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính các các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các cơ quan ngành dọc Trung ương tại địa phương; UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính tỉnh Hà Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan ngành dọc Trung ương tại địa phương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo HG, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1684/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc đánh giá xác định kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các cơ quan ngành dọc Trung ương tại địa phương ; UBND các huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) và UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá

1. Việc đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính được tổ chức định kỳ hằng năm.
2. Đảm bảo tính công khai, minh bạch; trung thực, khách quan và chính xác; phản ánh đúng kết quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị.
3. Tổ chức công bố, công khai chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị sau khi đánh giá.

Chương II

NỘI DUNG XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Điều 3. Nội dung và thang điểm xác định chỉ số cải cách hành chính

1. Việc xác định Chỉ số cải cách hành chính được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần và điểm số cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bộ chỉ số của từng cấp kèm theo Quy định này.
2. Thang điểm đánh giá: 100 điểm.
 - a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Áp dụng phụ lục 2.
Trong đó:
 - Điểm tự đánh giá, thẩm định (điểm nội dung): 70 điểm.
 - Điểm điều tra xã hội học: 30 điểm.
 - b) Các cơ quan ngành dọc Trung ương tại địa phương: Áp dụng phụ lục 3.
Trong đó:
 - Điểm tự đánh giá, thẩm định (điểm nội dung): 70 điểm.
 - Điểm điều tra xã hội học: 30 điểm.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng phụ lục 4.

Trong đó:

- Điểm tự đánh giá, thẩm định (*điểm nội dung*): 70 điểm.
- Điểm điều tra xã hội học: 30 điểm.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã: Áp dụng phụ lục 5.

Trong đó:

- Điểm tự đánh giá, thẩm định (*điểm nội dung*): 75 điểm.
- Điểm điều tra xã hội học: 25 điểm.

Điều 4. Cách tính điểm

1. Tính điểm số của mỗi tiêu chí, tiêu chí thành phần căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của mỗi tiêu chí thành phần được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện chưa đúng hoặc không đảm bảo thời gian quy định thì theo mức độ sẽ bị trừ đi số điểm tương ứng theo quy định.

2. Đối với cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí đã được quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự đó và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí. Đối với một số tiêu chí cần có thông tin chuyên ngành mà các báo cáo về cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị không có thì phải khai thác các báo cáo của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 5. Quy trình đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Đối với điểm nội dung

a) Định kỳ hằng năm, căn cứ Bộ chỉ số tại Quy định này và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính.

- Báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng để chứng minh (*ghi rõ số, kí hiệu, trích yếu, ngày tháng, năm ban hành văn bản*); những nội dung có thực hiện nhưng thiếu tài liệu kiểm chứng thì không được tính điểm. Thành phần hồ sơ báo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính bao gồm:

- + Báo cáo đánh giá tổng hợp;
- + Bảng tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần;

- Các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương; UBND cấp huyện gửi báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính về UBND tỉnh (*qua Ban Tổ chức - Nội vụ tổng hợp*) **chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm** (tính theo dấu bưu điện) *Hoặc tính theo ngày gửi bản scan (dấu đỏ) qua hệ thống hòm thư công vụ của đơn vị.*

- UBND cấp xã gửi báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính về UBND cấp huyện (qua phòng Nội vụ hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) tổng hợp) **chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm (tính theo dấu bưu điện).Hoặc tính theo ngày gửi bản scan (dấu đỏ) qua hệ thống hòm thư công vụ của đơn vị.**

b) Thẩm định kết quả tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

- UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện Ban Tổ chức - Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông đã được UBND tỉnh và Ban chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh giao phụ trách, theo dõi các lĩnh vực về cải cách hành chính. Giúp việc cho Hội đồng thẩm định có Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.

- UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính đối với UBND cấp xã. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã được UBND cấp huyện giao phụ trách, theo dõi các lĩnh vực về cải cách hành chính. phụ trách các lĩnh vực trong công tác cải cách hành chính. Giúp việc cho Hội đồng thẩm định có Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.

Thời gian thẩm định: Tháng 01 hằng năm.

c) Căn cứ thẩm định

- Báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính và các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Báo cáo giải trình bổ sung (nếu có).

d) Tổ chức thẩm định.

đ) Thông báo điểm sơ bộ sau khi thẩm định xong điểm nội dung:

- Ban Tổ chức - Nội vụ Thông báo điểm sơ bộ đến các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương; UBND cấp huyện và Lịch tiếp nhận thông tin phản hồi (bảo vệ báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính) đối với mỗi cơ quan, đơn vị.

- Phòng Nội vụ (hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) Thông báo điểm sơ bộ đến UBND cấp xã và Lịch tiếp nhận thông tin phản hồi (bảo vệ báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính) đối với mỗi xã, phường, thị trấn.

e) Hoàn thiện điểm nội dung:

Trên cơ sở điểm sơ bộ và ý kiến bảo vệ báo cáo tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính của mỗi cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh/phòng Nội vụ (hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) hoàn thiện báo cáo điểm nội dung theo quy định.

2. Đối với điểm điều tra xã hội học

Căn cứ kết quả điều tra xã hội học, Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh tổng hợp điểm đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và

UBND cấp huyện; Phòng Nội vụ (hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) tổng hợp điểm đối với UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện điều tra xã hội học: Quý IV hằng năm.

3. Hội đồng thẩm định

Trên cơ sở tổng hợp điểm nội dung và điểm điều tra xã hội học:

- Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, kết luận báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phòng Nội vụ (hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, kết luận báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện.

Điều 6. Xếp hạng kết quả cải cách hành chính

Việc xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với cơ quan, đơn vị được tính trên cơ sở phần trăm tổng số điểm đạt được trên tổng số điểm tối đa, xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp và chia thành 5 nhóm:

- a) Nhóm xếp loại xuất sắc: Đạt từ 90% trở lên;
- b) Nhóm xếp loại tốt: Đạt từ 80% đến dưới 90%;
- c) Nhóm xếp loại khá: Đạt từ 65% đến dưới 80%;
- d) Nhóm xếp loại trung bình: Đạt từ 50% đến dưới 65%;
- đ) Nhóm xếp loại yếu: Đạt dưới 50%.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và UBND cấp huyện.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với UBND cấp xã.

3. Thời gian công bố Chỉ số cải cách hành chính năm trước vào quý I năm sau (liên kế).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Tổ chức - Nội vụ và cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Trách nhiệm của Ban Tổ chức - Nội vụ

a) Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả cải cách hành chính; là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định báo cáo tự đánh giá kết quả cải cách hành chính theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch, phương án, tổ chức điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và UBND cấp huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với sở Tài chính lập dự toán kinh phí điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

d) Phối hợp với văn phòng UBND tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức công bố chỉ số cải cách hành chính hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự toán kinh phí thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; báo cáo tự đánh giá kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức - Nội vụ trong việc tổ chức thẩm định điểm nội dung và điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính.

c) UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Nội vụ (hoặc Ban Tổ chức - Nội vụ cấp huyện) hướng dẫn UBND cấp xã tự đánh giá kết quả cải cách hành chính; xây dựng kế hoạch, phương án, tổ chức điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính đối với UBND cấp xã; tổ chức thẩm định báo cáo tự đánh giá kết quả cải cách hành chính và công bố chỉ số cải cách hành chính hằng năm đối với UBND cấp xã.

d) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính, quyết định việc biểu dương, khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức - Nội vụ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục 01
DANH SÁCH

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Trung ương tại địa phương thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính hằng năm

Kèm theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 06 / 12 / 2018 của UBND tỉnh Hà Giang

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Ghi chú
I	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	
1	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Ban Tổ chức - Nội vụ	
3	Ban Dân tộc	
4	Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra tỉnh	
5	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	
6	Sở Công Thương	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8	Sở Giao thông vận tải	
9	Sở Xây dựng	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	
13	Sở Ngoại vụ	
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
15	Sở Tài chính	
16	Sở Tài nguyên và môi trường	
17	Sở Tư pháp	
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
19	Sở Thông tin và Truyền thông	
20	Sở Y tế	
II	Các cơ quan Trung ương tại địa phương	
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
2	Công an tỉnh	
3	Cục hải quan tỉnh	
4	Cục thuế tỉnh	
5	Kho bạc tỉnh	
6	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hà Giang	

Phụ lục số 2

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÁC CÁCH HÀNH CHÍNH	24	0	0	5		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	5	0	0	0		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1					
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định (trước ngày 30/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch) = 1</i>						
	<i>Ban hành sau thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành	1					
	<i>Kế hoạch đạt chất lượng (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC và được thể hiện cụ thể bằng khung logic chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 1</i>						
	<i>Kế hoạch không đạt chất lượng = 0</i>						
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	2					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						
1.1.4	Kinh phí chi cho công tác CCHC	1					
	<i>Có bố trí kinh phí = 1; Không bố trí kinh phí = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.2	Báo cáo Cải cách hành chính	6					
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, các báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất)	5					
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 5 (thiếu các báo cáo đột xuất hoặc các báo cáo theo chuyên đề trừ 1 điểm/báo cáo; thiếu báo cáo quý thì trừ 1.5 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm thì trừ 2 điểm)</i>						
	<i>Báo cáo sau thời gian (mỗi báo cáo trừ 0.5 điểm); Báo cáo tự đánh giá CCHC sau thời gian quy định trừ 1 điểm. (Thời gian nhận báo cáo được tính theo dấu bưu điện hoặc ngày nhận email bản scan có dấu)</i>						
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	1					
	<i>Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn = 1; trường hợp báo cáo thiếu 1 nội dung thì trừ 0,25 điểm, không đạt yêu cầu = 0</i>						
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	4	0	0	1		
1.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1					
	<i>Có kế hoạch và đạt yêu cầu = 1</i>						
	<i>Có kế hoạch chưa đạt yêu cầu = 0,5</i>						
	<i>Không có kế hoạch = 0</i>						
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/(100%)]</i>						
1.3.3	Có bài viết về công tác CCHC đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trang thông tin của Sở, ban, ngành (Có = 1, không có = 0)	1					

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.3.4	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC, người dân, tổ chức về CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3	0	0	0		
1.4.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0.5				Có Quyết định khen thưởng trong lĩnh vực CCHC của cơ quan, đơn vị	
	<i>Có thực hiện = 0,5; Không thực hiện = 0</i>						
1.4.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	1				Sáng kiến phải là cách làm mới, mang lại hiệu quả trong công việc, có thể áp dụng cho các cơ quan, đơn vị khác	
	<i>Có sáng kiến = 1; Không có sáng kiến = 0</i>						
1.4.3	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm trên các lĩnh vực	1					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao = 1</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ = 0,75</i>						
	<i>Hoàn thành từ 95% - dưới 100% số nhiệm vụ được giao = 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 95% số nhiệm vụ được giao = 0</i>						
1.4.4	Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	0.5					
	<i>Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0,5</i>						
	<i>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.5	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của cơ quan, đơn vị	4	0	0	4		
1.5.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
1.5.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC <i>Trên 80% văn bản được ban hành kịp thời = 1</i> <i>Từ 65% đến 80% văn bản được ban hành kịp thời = 0,75</i> <i>Từ 50% đến dưới 65% văn bản được ban hành kịp thời = 0,5</i> <i>Dưới 50% văn bản được ban hành kịp thời = 0</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
1.5.3	Bổ trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC <i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,75;</i> <i>Không đủ = 0,5; Không bổ trí = 0</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
1.5.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
1.6	Bố trí, sử dụng hòm thư góp ý và đường dây điện thoại nóng tại cơ quan, đơn vị	2	0	0	0		
1.6.1	Ban hành Quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính bằng hình thức hòm thư góp ý <i>Có ban hành quy chế = 1; Không ban hành quy chế = 0</i>	1					
1.6.2	Cò sử dụng và thông báo đường dây điện thoại nóng để nhận phản ánh, kiến nghị <i>Có sử dụng = 1; Không sử dụng = 0</i>	1					

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6	0	0	0		
2.1	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1	0	0	0		
2.1.1	Tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. (Đối với cơ quan, đơn vị không tham mưu xây dựng văn bản QPPL do không có nhiệm vụ được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên thì vẫn được tính 0.5 điểm)	0.5					
	<i>Có xây dựng văn bản QPPL trong năm: 0.5.</i>						
	<i>Không xây dựng văn bản QPPL trong năm: 0.</i>						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5				Trường hợp có xây dựng văn bản QPPL mà thực hiện đúng quy trình thì mới được điểm phần này. Trong trường hợp không có VBQPPL được ban hành thì mục này không có điểm	
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0.</i>						
2.2	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3	0	0	0		

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2.2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị do HĐND, UBND tỉnh ban hành (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của đơn vị)	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						
2.2.3	Xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>						
2.4	Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị	2	0	0	0		
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị (Có kế hoạch riêng hoặc đưa vào kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị)	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>						
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 90% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12	0	0	0		
3.1	Ban hành kế hoạch rà soát TTHC theo quy định	6	0	0	0		
3.1.1	Ban hành kế hoạch (Có kế hoạch riêng hoặc đưa vào kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị)	2					
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 = 2 (Đối với Kế hoạch riêng)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời(sau tháng 01) = 1</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1					
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức[(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/(100%)]</i>						
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện sau khi rà soát	1					
	<i>Đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung thay thế bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp pháp, không hợp lý, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định TTHC theo quy định của pháp luật = 1; không thực hiện = 0</i>						
3.1.4	Cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC để trình cấp có thẩm quyền công bố	2					
	<i>Cập nhật kịp thời = 2; Cập nhật không kịp thời = 1; không cập nhật = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3.2	Công khai thủ tục hành chính	4	0	0	0		
3.2.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định các TTHC tại Trung tâm hành chính công hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2					
	<i>100% số TTHC = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% số TTHC = 1</i>						
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 70% số TTHC = 0</i>						
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	2					
	<i>100% số TTHC = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% số TTHC = 1</i>						
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 70% số TTHC = 0</i>						
3.3	Chế độ thông tin báo cáo về kiểm soát TTHC	2					
	<i>Báo cáo đủ số lượng, đúng nội dung và thời gian về kiểm soát TTHC = 2</i>						
	<i>Báo cáo đủ số lượng, không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian mỗi báo cáo trừ 0,25</i>						
	<i>Báo cáo không đủ số lượng, mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	11	0	0	6		
4.1	Tuân thủ các quy định của Đảng, nhà nước về tổ chức bộ máy	2	0	0	0		
4.1.1	Tinh gọn về tổ chức bộ máy	1					
	<i>Tuân thủ theo quy định = 0,5;</i>						
	<i>Giảm số lượng đơn vị trực thuộc so với quy định = 1</i>						
4.1.2	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương trở lên	1					
	<i>Bổ trí đúng quy định = 1</i>						
	<i>Bổ trí thừa = 0</i>						
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định	6	0	0	6		
4.2.1	Tham mưu cấp có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.2.2	Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.2.3	Ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.3	Thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng ban, đơn vị cấp huyện theo lĩnh vực (kể cả đơn vị trực thuộc),	3	0	0	0		
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra = 1</i>						
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1					
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0.75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0.5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i>						
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,75</i>						
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0.5</i>						
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17.5	0	0	5		
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm	2	0	0	0		
5.1.1	Thực hiện việc rà soát bổ sung đề án xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	1					
	<i>Có thực hiện = 1</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Chi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	<i>Trên 80% số phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1</i>						
	<i>Từ 70% - 80% số phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 70% số phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0</i>						
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	2	0	0	0		
5.2.1	Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng viên chức	1					
	<i>Không tuyển dụng = 0,75</i>						
	<i>Tuyển dụng đúng quy định = 1</i>						
	<i>Tuyển dụng không đúng quy định = 0</i>						
5.2.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1					
	<i>Không có trường hợp nào được bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại = 0,75</i>						
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.3	Thực hiện kế hoạch tình giãn biên chế hằng năm	2					
	<i>Đạt 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Đạt từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Đạt dưới 60% kế hoạch = 0</i>						
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	2	0	0	0		
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của Sở, ban, ngành (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trước ngày 30/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
5.4.2	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1					
	<i>Đúng nội dung và đúng thời gian quy định = 1 (trước ngày 30/11 hằng năm)</i>						
	<i>Không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không có báo cáo = 0</i>						
5.5	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	2	0	0	0		
5.5.1	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ công chức, viên chức trên phần mềm	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định, chính xác = 1</i>						
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.5.2	Việc thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đổi vị trí công tác	1					
	<i>Đạt 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Không đạt kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						
5.6	Chất lượng cán bộ công chức, viên chức	7,5	0	0	5		
5.6.1	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao	0,5					
	<i>Báo cáo đúng quy định = 0,5; Báo cáo không đúng quy định = 0</i>						
5.6.2	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị	2					
	<i>90% cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên = 2</i>						
	<i>Có 5% trở lên số cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực = 1,5</i>						
	<i>Có 0,5% trở lên số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không hoàn thành nhiệm vụ = 1</i>						
5.6.3	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCVC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
5.6.4	Làm việc đúng theo giờ quy định, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Tương đối tốt = 0,5; Không tốt = 0.</i>						
5.6.5	Thái độ phục vụ của CBCCVC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.6.6	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CBCCVV <i>Không có = 1; Đôi khi có = 0.5; Thường xuyên = 0</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
5.6.7	Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện quy tắc ứng xử của UBND tỉnh <i>Tốt = 1; Khá = 0.75; Trung bình = 0.5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	5.5	0	0	2		
6.1	Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và công khai dân chủ <i>Có ban hành, đảm bảo quy định, hướng dẫn = 1,5</i> <i>Có ban hành nhưng chưa đảm bảo quy định hướng dẫn = 1</i> <i>Không ban hành = 0</i>	1.5					
6.2	Công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công (thông báo kết quả sử dụng kinh phí định kỳ hàng quý, năm). <i>Thực hiện đúng quy định = 2</i> <i>Có công khai nhưng chưa đầy đủ = 1</i> <i>Không công khai = 0</i>	2			2	Điều tra xã hội học	
6.3	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ nguồn tiết kiệm được <i>Thực hiện = 2; Không thực hiện = 0</i>	2					

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7	HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	16	0	0	5		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Sở, ban, ngành	6	0	0	2		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị : (kế hoạch riêng hoặc có trong Kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trong tháng 01 của năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
7.1.2	Sử dụng chữ ký số trong giải quyết công việc	1					
	<i>Từ 70% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 1</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 70% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 0,75</i>						
	<i>Dưới 50% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 0,5</i>						
	<i>Chưa sử dụng = 0</i>						
7.1.3	Tỷ lệ văn bản phát hành của cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	1					
	<i>Từ 80% trở lên số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 1</i>						
	<i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0,5</i>						
	<i>Dưới 60% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.1.4	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc qua hộp thư công vụ của CBCCVC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Thường xuyên = 2; Tương đối thường xuyên = 1 Không sử dụng = 0.</i>						
7.1.5	Chỉ số Ứng dụng CNTT năm trước liền kề	1					
	<i>Tốt = 1, khá = 0,5; Trung bình = 0,25; Yếu = 0</i>						
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	4	0	0	0		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên có phát sinh hồ sơ trong năm	1					
	<i>Từ 30% số TTHC trở lên được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trong năm = 1</i>						
	<i>Dưới 30% số TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trong năm thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % số TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ × 1.00)/(30%)]</i>						
7.2.2	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	1				<i>Trường hợp có thực hiện thì mới tính điểm ở tiêu chí 7.2.3 và 7.2.4</i>	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.2.3	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI	1				Chi thống kê tỷ lệ trong tổng số TTHC đã triển khai sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.	
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1 điểm</i>						
	<i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % số TTHC có phát sinh hồ sơ × 1.00)/(50%)]</i>						
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI	1				Chi thống kê tỷ lệ trong tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ được tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên : 1 điểm</i>						
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC × 1.00)/(10%)]</i>						
7.3	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành	5	0	0	3		

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.3.1	Cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức có thẩm quyền của cơ quan đơn vị trên trang thông tin điện tử (chức vụ, hòm thư, số điện thoại...)	2					
	<i>Không có thông tin = 0</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ, công chức lãnh đạo đơn vị và tương đương = 1</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ, công chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương = 1,5</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức, viên chức của cơ quan đơn vị = 2</i>						
7.3.2	Tính kịp thời của thông tin	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Kịp thời = 1; Không kịp thời = 0.</i>						
7.3.3	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,5; Không đầy đủ = 0.</i>						
7.3.4	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Rất thuận tiện = 1; Tương đối thuận tiện = 0,5; Không thuận tiện = 0.</i>						
7.4	Áp dụng ISO trong hoạt động của Sở, ban, ngành	1	0	0	0		
	Thực hiện triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của cơ quan đơn vị	1					
	<i>Thực hiện đầy đủ = 1</i>						
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ = 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8	0	0	7		
8.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trong năm theo quy định	1					
	<i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1</i>						
	<i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn × 1.00)/(100%)]</i>						
8.2	Chất lượng phục vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở ban ngành tại Trung tâm hành chính công	7	0	0	7		
8.2.1	Mức độ thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Rất thuận tiện = 2; Tương đối thuận tiện = 1; Không thuận tiện = 0.</i>						
8.2.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
8.2.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 1; Chưa đúng quy định = 0</i>						
8.2.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
Tổng điểm		100	0	0	30		

Phụ lục số 3

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC TRUNG ƯƠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	28	0	0	5		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	5			0		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1					
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định (trước ngày 30/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch) = 1</i>						
	<i>Ban hành sau thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành	1					
	<i>Kế hoạch đạt chất lượng tối (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC và được thể hiện cụ thể bằng khung logic chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 1</i>						
	<i>Kế hoạch không đạt chất lượng = 0</i>						
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	2					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.1.4	Kinh phí chi cho công tác CCHC <i>Có bố trí kinh phí = 1; Không bố trí kinh phí = 0</i>	1					
1.2	Báo cáo Cải cách hành chính	7			0		
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, các báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất)	5					
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 5 (thiếu các báo cáo đột xuất hoặc các báo cáo theo chuyên đề trừ 1 điểm/báo cáo; thiếu báo cáo quý thì trừ 1,5 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm thì trừ 2 điểm)</i>						
	<i>Báo cáo sau thời gian (mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm): Báo cáo tự đánh giá chỉ số CCHC sau thời gian quy định trừ 1 điểm. (Thời gian nhận báo cáo được tính theo dấu bưu điện hoặc ngày nhận email bản scan có dấu)</i>						
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	2					
	<i>Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn = 2; trường hợp báo cáo thiếu 1 nội dung thì trừ 0,25 điểm, không đạt yêu cầu = 0</i>						
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	6	0	0	1		
1.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1					
	<i>Có kế hoạch và đạt yêu cầu = 1</i>						
	<i>Có kế hoạch chưa đạt yêu cầu = 0,5</i>						
	<i>Không có kế hoạch = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	2					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						
1.3.3	Có bài viết về công tác CCHC đăng trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trang thông tin của đơn vị	2					
	<i>Có từ 05 bài trở lên = 2</i>						
	<i>Có từ 02- 4 bài = 1,5</i>						
	<i>Có ít nhất 1 bài = 1</i>						
	<i>Không có = 0</i>						
1.3.4	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVV, người dân, tổ chức về CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4	0	0	0		
1.4.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0.5				Có Quyết định khen thưởng trong lĩnh vực CCHC của cơ quan, đơn vị	
	<i>Có thực hiện = 0,5; Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.4.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	1				Sáng kiến phải là cách làm mới, mang lại hiệu quả trong công việc, có thể áp dụng cho các cơ quan, đơn vị khác	
	<i>Có sáng kiến = 1; Không có sáng kiến = 0</i>						
1.4.3	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm trên các lĩnh vực	2					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao = 2</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ = 1</i>						
	<i>Hoàn thành từ 95%-dưới 100% số nhiệm vụ được giao = 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 95% số nhiệm vụ được giao = 0</i>						
1.4.4	Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên các lĩnh vực	0.5					
	<i>Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên UBND tỉnh = 0,5</i>						
	<i>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên UBND tỉnh = 0</i>						
1.5	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở, ban, ngành	4	0	0	4		
1.5.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.5.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
	<i>Trên 80% văn bản được ban hành kịp thời = 1</i>						
	<i>Từ 65% đến 80% văn bản được ban hành kịp thời = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% đến dưới 65% văn bản được ban hành kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% văn bản được ban hành kịp thời = 0</i>						
1.5.3	Bổ trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,75; Không đủ = 0,5; Không bổ trí = 0</i>						
1.5.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0.75; Trung bình = 0.5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.6	Bổ trí, sử dụng hòm thư góp ý và đường dây điện thoại nóng tại cơ quan, đơn vị	2	0	0	0		
1.6.1	Ban hành Quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính bằng hình thức hòm thư góp ý	1					
	<i>Có ban hành quy chế = 1; Không ban hành quy chế = 0</i>						
1.6.2	Có sử dụng và thông báo đường dây điện thoại nóng để nhận phản ánh, kiến nghị	1					
	<i>Có sử dụng = 1; Không sử dụng = 0</i>						
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6	0	0	0		
2.1	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3	0	0	0		
2.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, VBQPPL thuộc phạm vi của ngành	1					
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0.75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						
2.1.3	Xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, văn bản QPPL thuộc phạm vi của ngành	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>						
2.2	Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị	3	0	0	0		
2.2.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị (Có kế hoạch riêng hoặc đưa vào kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị)	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						
2.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	2					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch = 1,5</i>						
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 90% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11	0	0	0		
3.1	Ban hành kế hoạch rà soát TTHC theo quy định	7	0	0	0		
3.1.1	Ban hành kế hoạch (Có kế hoạch riêng hoặc đưa vào kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị)	2					
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 = 2 (Đối với Kế hoạch riêng)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời(sau tháng 01) = 1</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	2					
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện sau khi rà soát	1					
	<i>Đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung thay thế bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp pháp, không hợp lý, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định TTHC theo quy định của pháp luật = 1; không thực hiện = 0</i>						
3.1.4	Cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành về TTHC	2					
	<i>Cập nhật kịp thời = 2; Cập nhật không kịp thời = 1; không cập nhật = 0</i>						

STT	Linh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3.2	Công khai thủ tục hành chính	4	0	0	0		
3.2.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định các TTHC tại Trung tâm hành chính công hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của đơn vị	2					
	<i>100% số TTHC = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% số TTHC = 1</i>						
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 70% số TTHC = 0</i>						
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	2					
	<i>100% số TTHC = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% số TTHC = 1</i>						
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 70% số TTHC = 0</i>						
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	12	0	0	6		
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy	2					
	<i>Tuân thủ theo quy định = 1;</i>						
	<i>Giảm số lượng đơn vị trực thuộc so với quy định = 2</i>						

STT	Linh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định	6	0	0	6		
4.2.1	Tham mưu cấp có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.2.2	Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.2.3	Ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
4.3	Thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng ban, đơn vị cấp huyện theo lĩnh vực (kể cả đơn vị trực thuộc),	4	0	0	0		
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra = 1</i>						
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>						
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	2					
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i>						
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,75</i>						
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>						
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	12	0	0	5		
5.3	Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế hằng năm	2					
	<i>Đạt 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức $(Tỷ\ lệ\ \% \text{ hoàn thành} \times 2.00)/(100\%)$</i>						
5.2	Đổi mới công tác đánh giá quản lý công chức	5	0	0	0		
5.2.1	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao	1					
	<i>Báo cáo đúng quy định = 1; Báo cáo không đúng quy định = 0</i>						
5.2.2	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị	2					
	<i>85% cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên = 2</i>						
	<i>Có trên 10% cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực = 1,5</i>						
	<i>Có trên 0,5% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không hoàn thành nhiệm vụ = 1</i>						
5.2.3	Việc thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đổi vị trí công tác	2					
	<i>Có Kế hoạch và đạt 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Không có kế hoạch hoặc thực hiện không đạt kế hoạch = 1</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.3	Chất lượng cán bộ công chức, viên chức	5	0	0	5		
5.3.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCVC <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
5.3.2	Làm việc đúng theo giờ quy định, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính <i>Tốt = 1; Tương đối tốt = 0,5; Không tốt = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
5.3.3	Thái độ phục vụ của CBCCVC <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
5.3.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CBCCVC <i>Không có = 1; Đôi khi có = 0,5; Thường xuyên = 0</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
5.3.5	Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện quy tắc ứng xử của UBND tỉnh <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	6	0	0	2		
6.1	Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và công khai dân chủ	2					
	<i>Có ban hành, đảm bảo quy định, hướng dẫn = 2</i>						
	<i>Có ban hành chưa đảm bảo quy định hướng dẫn = 1</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
6.2	Công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công (thông báo kết quả sử dụng kinh phí định kỳ hàng quý, năm).	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 2</i>						
	<i>Có công khai nhưng chưa đầy đủ = 1</i>						
	<i>Không công khai = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
6.3	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ nguồn tiết kiệm được	2					
	Thực hiện = 2; Không thực hiện = 0						
7	HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	16	0	0	5		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị	5	0	0	2		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị : (kế hoạch riêng hoặc có trong Kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trong tháng 01 của năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
7.1.2	Tỷ lệ văn bản phát hành của cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	2					
	Từ 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 2						
	Từ 60%-dưới 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 1						
	Dưới 60% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0						
7.1.3	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của CBCCVC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Thường xuyên = 2; Tương đối thường xuyên = 1</i> <i>Không sử dụng = 0.</i>						
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5	0	0	0		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 2	1					
	<i>100% số TTHC = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số TTHC = 0</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.2.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3	1					
	<i>Từ 80% số TTHC trở lên = 1</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số TTHC = 0</i>						
7.2.3	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 4	2					
	<i>Từ 30% số TTHC trở lên = 2</i>						
	<i>Từ 20% - dưới 30% số TTHC = 1</i>						
	<i>Dưới 20% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Không có = 0</i>						
7.2.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	1					
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>						
7.3	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	5	0	0	3		
7.3.1	Cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức có thẩm quyền của cơ quan đơn vị trên trang thông tin điện tử (chức vụ, hòm thư, số điện thoại...)	2					
	<i>Không có thông tin = 0</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ, công chức lãnh đạo đơn vị và tương đương = 1</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ, công chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương = 1,5</i>						
	<i>Có cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức, viên chức của cơ quan đơn vị = 2</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.3.2	Tính kịp thời của thông tin	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
7.3.3	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
7.3.4	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
7.4	Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Thực hiện triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (hoặc TCVN ISO 9001:2015) vào hoạt động của cơ quan đơn vị</i>	1					
	<i>Thực hiện đầy đủ = 1</i>						
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ = 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9	0	0	7		
8.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trong năm theo quy định	2					
	<i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2</i>						
	<i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn × 2.00)/(100%)]</i>						

STT	Lĩnh vực tiêu chí/TCTP	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8.2	Chất lượng phục vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị	7	0	0	7		
8.2.1	Mức độ thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
8.2.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
8.2.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 1; Chưa đúng quy định = 0</i>						
8.2.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
Tổng điểm		100	0	0	30		

Phụ lục số 4

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	25	0	0	4		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3	0	0	0		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1					
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định (trước ngày 30/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch) = 1</i>						
	<i>Ban hành sau thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành	0.5					
	<i>Kế hoạch đạt chất lượng tốt (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC và được thể hiện cụ thể bằng khung logic chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 0.5</i>						
	<i>Kế hoạch không đạt chất lượng = 0</i>						
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/(100%)]</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.1.4	Bổ trí kinh phí triển khai công tác CCHC <i>Có bổ trí kinh phí = 0,5; Không bổ trí kinh phí = 0</i>	0.5					
1.2	Báo cáo Cải cách hành chính	6					
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, các báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất) <i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 5 (thiếu các báo cáo đột xuất hoặc các báo cáo theo chuyên đề trừ 1 điểm/báo cáo; thiếu báo cáo quý thì trừ 1,5 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm thì trừ 2 điểm)</i> <i>Báo cáo sau thời gian (mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm); Báo cáo tự đánh giá chỉ số CCHC sau thời gian quy định trừ 1 điểm. (Thời gian nhận báo cáo được tính theo dấu bưu điện hoặc ngày nhận email bản scan có dấu)</i>	5					
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn <i>Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn = 1; trường hợp báo cáo thiếu 1 nội dung thì trừ 0,5 điểm; không đạt yêu cầu = 0</i>	1					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3	0	0	0		
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị thuộc UBND cấp huyện (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm) <i>Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị = 1</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20%-30% số cơ quan, đơn vị = 0,5</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1					
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra	1					
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i>						
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,75</i>						
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>						
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>						
1.4	Công tác tuyên truyền Cải cách hành chính	3	0	0	1		
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0,5					
	<i>Có kế hoạch = 0,5; Không có kế hoạch = 0</i>						
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức[(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/(100%)]</i>						
1.4.3	Có bài viết về công tác CCHC đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trang thông tin của huyện, thành phố (Có = 0,5, không có = 0)	0,5					
1.4.4	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC, người dân, tổ chức về CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3	0	0	0		
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0.5				Có Quyết định khen thưởng trong lĩnh vực CCHC của cơ quan, đơn vị	
	<i>Có thực hiện = 0,5; Không thực hiện = 0</i>						
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (cấp huyện trở lên)	1				Sáng kiến phải là cách làm mới, mang lại hiệu quả trong công việc, có thể áp dụng cho các cơ quan, đơn vị khác	
	<i>Có sáng kiến = 1; Không có sáng kiến = 0</i>						
1.5.3	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm trên các lĩnh vực	1					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao = 1</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ = 0,75</i>						
	<i>Hoàn thành từ 95%-dưới 100% số nhiệm vụ được giao = 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 95% số nhiệm vụ được giao = 0</i>						
1.5.4	Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên các lĩnh vực	0.5					
	<i>Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0,5</i>						
	<i>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.6	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện	5	0	0	3		
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tối = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.6.2	Bổ trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,75; Không đủ = 0,5; Không bổ trí = 0</i>						
1.6.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tối = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
1.6.4	Thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội được ký kết giao ước thi đua với tỉnh trong năm	2					
	<i>Hoàn thành 100% = 2</i>						
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% = 1</i>						
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 90% = 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 80% = 0</i>						
1.7	Bổ trí, sử dụng hòm thư góp ý và đường dây điện thoại nóng tại UBND cấp huyện	1	0				
	<i>Có sử dụng = 1; Không sử dụng = 0</i>						
1.8	Thực hiện chấm điểm xác định chỉ số CCHC cấp xã	1					
	<i>Có thực hiện = 0,5</i>						
	<i>Công bố chỉ số CCHC cấp xã trong quý I (đối với huyện, thành phố có từ 15 đơn vị hành chính cấp xã trở xuống) và trong tháng 4 trở lại (đối với các huyện có từ 16 đơn vị hành chính cấp xã trở lên) cộng thêm 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5	0	0	0		
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND huyện, thành phố	1	0	0	0		
2.1.1	Ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao. (Trường hợp trong năm địa phương không ban hành văn bản QPPL do không có nhiệm vụ được luật giao thì vẫn được tính 0,5 điểm)	0.5					
	<i>Có văn bản QPPL được xây dựng trong năm: 0,5.</i>						
	<i>Không có văn bản QPPL được xây dựng trong năm: 0.</i>						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5					
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>						
2.2	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3	0	0	0		
2.2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo định kỳ (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của UBND cấp huyện)	1					
	<i>Ban hành kế hoạch = 1</i>						
	<i>Không ban hành kế hoạch = 0</i>						
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1					
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0,75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						
2.2.3	Xử lý kết quả kiểm tra, rà soát	1					
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i>						
	<i>Xử lý không đầy đủ = 0,5</i>						
	<i>Không xử lý = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2.3	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi cấp huyện	1					
	<i>Có thực hiện đầy đủ = 1;</i>						
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ = 0,5;</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						
3	CÀI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	6	0	0	0		
3.1	Ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của UBND cấp huyện	4	0	0	0		
3.1.1	Ban hành kế hoạch	1					
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định = 1</i>						
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	2					
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch = 2</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 2.00)/(100%)]</i>						
3.1.3	Xử lý các vấn đề sau khi rà soát	1					
	<i>Đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung thay thế bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp pháp, không hợp lý, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định TTHC theo quy định của pháp luật = 1;</i> <i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3.2	Công khai thủ tục hành chính	2	0	0	0		
3.2.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1					
	<i>100% số TTHC công khai = 1</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 80% số TTHC = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số TTHC = 0</i>						
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	1					
	<i>100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 1</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 0</i>						
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8	0	0	3		
4.1	Tuân thủ các quy định của Đảng, nhà nước về tổ chức bộ máy	2	0	0	0		
4.1.1	Tinh gọn về tổ chức bộ máy	1					
	<i>Tuân thủ theo quy định = 0,5;</i>						
	<i>Giảm số lượng đơn vị trực thuộc so với quy định = 1</i>						
4.1.2	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương trở lên	1					
	<i>Bố trí đúng quy định = 1</i>						
	<i>Bố trí thừa = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện và các đơn vị trực thuộc theo quy định	2	0	0	2		
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp huyện <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
4.3	Thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện	3	0	0	0		
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm) <i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị = 1</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20%-30% số cơ quan, đơn vị = 0,5</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>	1					
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra <i>Thực hiện trên 100% kế hoạch = 1</i> <i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/(100%)]</i>	1					
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i> <i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i> <i>Không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý = 0</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4.4	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tối = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	23	0	0	7		
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm	2	0	0	0		
5.1.1	Thực hiện việc rà soát bổ sung đề án xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	1					
	<i>Có thực hiện = 1</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						
5.1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1</i>						
	<i>Từ 65% - 80% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 65% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,25</i>						
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	3	0	0	0		
5.2.1	Thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã và viên chức thuộc thẩm quyền	1					
	<i>Không tuyển dụng = 0,75</i>						
	<i>Tuyển dụng đúng quy định = 1</i>						
	<i>Tuyển dụng không đúng quy định = 0</i>						
5.2.2	Việc luân chuyển, sử dụng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý	1					
	<i>Không có trường hợp nào luân chuyển = 0,75</i>						
	<i>Luân chuyển đúng quy định = 1;</i>						
	<i>Luân chuyển không đúng quy định = 0</i>						
5.2.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1					
	<i>Không có trường hợp nào được bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại = 0,75</i>						
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định = 0</i>						
5.3	Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế hằng năm	1.5					
	<i>Đạt 100% kế hoạch = 1,5</i>						
	<i>Thực hiện Dưới 100% kế hoạch thì tính theo công thức[(Tỷ lệ % hoàn thành × 1.5)/(100%)]</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	2	0	0	0		
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của UBND cấp huyện	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trước ngày 30/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
5.4.2	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1					
	<i>Đúng nội dung và đúng thời gian quy định = 1 (trước ngày 30/11 hằng năm)</i>						
	<i>Không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định = 0,5</i>						
	<i>Không có báo cáo = 0</i>						
5.5	Đổi mới công tác quản lý công chức	2	0	0	0		
5.5.1	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ công chức, viên chức trên phần mềm	0.5					
	<i>Thực hiện đúng quy định, chính xác = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định = 0</i>						
5.5.2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền	0.5					
	<i>Có thực hiện = 0,5; Không thực hiện = 0</i>						
5.5.3.4	Việc thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đổi vị trí công tác	1					
	<i>Đạt 100% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Không đạt kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.6	Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	9.5	0	0	7		
5.6.1	Đánh giá công chức trên, viên chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao	0.5					
	<i>Báo cáo đúng quy định = 0,5; Báo cáo không đúng quy định = 0</i>						
5.6.2	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị	2					
	<i>Có từ 85% trở lên cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên = 2</i>						
	<i>Có trên 10% cán bộ công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực = 1,5</i>						
	<i>Có trên 0,5% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không hoàn thành nhiệm vụ = 1</i>						
5.6.3	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCVC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
5.6.4	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CBCCVC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
5.6.5	Thái độ phục vụ của CBCCVC	2			2	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
5.6.6	Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện quy tắc ứng xử của UBND tỉnh	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	3	0	0	0		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1					
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số cán bộ đạt chuẩn thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % cán bộ đạt chuẩn × 1.0)/(100%)]</i>						
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1					
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số công chức đạt chuẩn thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % công chức đạt chuẩn × 1.0)/(100%)]</i>						
5.7.3	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1					
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức = 1</i>						
	<i>Từ 50% - 70% số cán bộ, công chức = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0</i>						
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	11	0	0	9		
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại UBND cấp huyện (theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP)	2	0	0	1		
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện	1					
	<i>100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện = 1</i>						
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện = 0</i>						
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại UBND cấp huyện	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	2	0	0	1		
6.2.1	Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện có hiệu quả	1					
	<i>100% số đơn vị = 1</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số đơn vị = 0,5</i>						
	<i>Dưới 90% số đơn vị = 0</i>						
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.3	Chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công của địa phương	4	0	0	4		
6.3.1	Năng lực chuyên môn của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.3.2	Kết quả khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.3.3	Thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức y tế tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.3.4	Các hiện tượng tiêu cực ở các cơ sở khám, chữa bệnh tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Không có = 1; Có = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
6.4	Chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập của địa phương	3	0	0	3		
6.4.1	Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên phổ thông tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.4.2	Chất lượng dạy và học của các trường phổ thông tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
6.4.3	Các hiện tượng tiêu cực ở các trường phổ thông tại địa phương	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Không có = 1; Có = 0</i>						
7	HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	11	0	0	3		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của cấp huyện	7	0	0	1		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị : (kế hoạch riêng hoặc có trong Kế hoạch CCHC hàng năm)	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trong tháng 01 của năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
7.1.2	Sử dụng chữ ký số trong giải quyết công việc	1					
	<i>Từ 70% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 1</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 70% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 0,75</i>						
	<i>Dưới 50% số người được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số = 0,5</i>						
	<i>Chưa sử dụng = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.1.3	Tỷ lệ văn bản phát hành của cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	1					
	<i>Từ 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 1</i>						
	<i>Từ 60%- dưới 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0,5</i>						
	<i>Dưới 60% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0</i>						
7.1.4	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc qua hộp thư điện tử công vụ của CBCCVC	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Thường xuyên = 1; Tương đối thường xuyên = 0,5</i> <i>Không sử dụng = 0.</i>						
7.1.5	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3					
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2 = 1</i>						
	<i>Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 = 2</i>						
	<i>Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 = 3</i>						
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	3	0	0	2		
7.2.1	Cung cấp đầy đủ thông tin liên hệ cán bộ công chức có thẩm quyền của các cơ quan đơn vị trực thuộc trên trang thông tin điện tử (họ tên, chức vụ, số điện thoại, địa chỉ hòm thư .)	1					
	<i>Cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức có thẩm quyền của các cơ quan đơn vị trực thuộc = 1</i>						
	<i>Cung cấp thông tin cán bộ, công chức có thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhưng chưa đầy đủ = 0,5</i>						
	<i>Không có thông tin = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.2.2	Tính kịp thời và đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của cấp huyện <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1	Điều tra xã hội học	
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND cấp huyện	1	0	0	0		
	<i>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo đúng quy định (duy trì, cải tiến, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định)</i>	1					
	<i>Thực hiện đầy đủ = 1; Thực hiện chưa đầy đủ = 0</i>						
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	11	0	0	4		
8.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4					
8.1.1	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa <i>100% số lượng TTHC = 2</i> <i>Dưới 100% TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % số TTHC × 2.0)/(100%)]</i>	2					
8.1.2	Các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông <i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>	1					
8.1.3	Kết quả giải quyết hồ sơ Thủ tục hành chính <i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1</i> <i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: thì tính theo công thức [(Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn × 1.00)/(100%)]</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8.2	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3	0	0	0		
8.2.1	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện	1					
	<i>Đảm bảo quy định = 1; Không đảm bảo quy định = 0</i>						
8.2.2	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Bộ phận một cửa cấp xã thuộc UBND cấp huyện	2					
	<i>Trên 80% số đơn vị trở lên = 2</i>						
	<i>Từ 50% - 80% số đơn vị = 1</i>						
	<i>Dưới 50% số đơn vị = 0</i>						
8.3	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4	0	0	4		
8.3.1	Bố trí chỗ ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đúng quy định = 1; Không đúng quy định = 0</i>						
8.3.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
8.3.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đảm bảo quy định = 1; Không đảm bảo quy định = 0</i>						
8.3.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>						
	Tổng điểm	100	0	0	30		

Phụ lục số 5

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	26	0	0	5		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4,5	0	0	0		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trước tháng 10/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1,5					
	Ban hành đúng thời gian quy định = 1,5						
	Ban hành sau thời gian quy định = 1						
	Không ban hành = 0						
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của cấp xã	1					
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ =1; Không xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0						
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1					
	Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1						
	Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0,75						
	Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5						
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.1.4	Kinh phí chỉ cho công tác CCHC	1					
	<i>Có bố trí kinh phí = 1; Không bố trí kinh phí = 0</i>						
1.2	Báo cáo CCHC	6					
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, các báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất)	5					
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 5 (thiếu các báo cáo đột xuất hoặc các báo cáo theo chuyên đề trừ 1 điểm/báo cáo; thiếu báo cáo quý thì trừ 1,5 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm thì trừ 2 điểm)</i>						
	<i>Báo cáo sau thời gian (mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm); Báo cáo tự đánh giá chỉ số CCHC sau thời gian quy định trừ 1 điểm. (Thời gian nhận báo cáo được tính theo dấu bưu điện hoặc ngày nhận email bản scan có dấu)</i>						
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	1					
	<i>Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn = 1; trường hợp báo cáo thiếu 1 nội dung thì trừ 0,25 điểm, không đạt yêu cầu = 0</i>						
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	4	0	0	1		
1.3.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1					
	<i>Có kế hoạch = 1; Không có kế hoạch = 0</i>						
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>						
	<i>Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0,75</i>						
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5</i>						
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.3.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC, người dân, tổ chức về CCHC <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1		
1.3.4	Có bài viết về công tác Cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của UBND huyện, tỉnh hoặc có bài viết đăng báo <i>Có = 1; Không có = 0.</i>	1					
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	5.5	0	0	0		
1.4.1	Sáng kiến trong triển khai, chỉ đạo điều hành công tác CCHC cấp xã trở lên <i>Có = 1; Không có = 0.</i>	1					
1.4.2	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng <i>Có = 1; Không có = 0.</i>	1					
1.4.3	Công tác đánh giá, sơ kết, tổng kết cải cách hành chính (tổ chức hội nghị riêng hoặc lồng ghép nhưng phải có báo cáo) <i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>	1					
1.4.4	Thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội được giao trong năm <i>Hoàn thành 100% = 2</i> <i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% = 1</i> <i>Hoàn thành từ 80% - dưới 90% = 0,5</i> <i>Hoàn thành dưới 80% = 0</i>	2					
1.4.5	Tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo của đơn vị <i>Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0,5</i> <i>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi lên cấp trên = 0</i>	0.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
1.5	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp xã	4	0	0	4		
1.5.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			1		
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75 Trung bình = 0,25; Yếu, kém = 0.</i>						
1.5.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			1		
	<i>Trên 80% văn bản được ban hành kịp thời = 1</i>						
	<i>Từ 65% đến 80% văn bản được ban hành kịp thời = 0,75</i>						
	<i>Từ 50% đến dưới 65% văn bản được ban hành kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% văn bản được ban hành kịp thời = 0</i>						
1.5.3	Bổ trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC	1			1		
	<i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,75; Không đủ = 0,5; Không bố trí = 0</i>						
1.5.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1			1		
	<i>Đầy đủ = 1; Tương đối đầy đủ = 0,75; Không đủ = 0,5; Không bố trí = 0</i>						
1.6	Bố trí, sử dụng hòm thư góp ý và đường dây điện thoại nóng tại UBND cấp xã	2	0	0	0		
1.6.1	Ban hành Quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính bằng hình thức hòm thư góp ý	1					
	<i>Có ban hành quy chế = 1; Không ban hành quy chế = 0</i>						
1.6.2	Có sử dụng và thông báo đường dây điện thoại nóng để nhận phản ánh, kiến nghị	1					
	<i>Có sử dụng = 1; Không sử dụng = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	4	0	0	0		
2.1	Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã	1	0	0	0		
2.1.1	Ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao (Trường hợp trong năm địa phương không ban hành văn bản QPPL do không có nhiệm vụ được luật giao thì vẫn được tính 0,5 điểm	0.5					
	<i>Có văn bản QPPL được xây dựng trong năm: 0,5.</i>						
	<i>Không có văn bản QPPL được xây dựng trong năm: 0.</i>						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5					
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>						
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3	0	0	0		
2.2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của UBND cấp xã)	1					
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (Trong quý I của năm kế hoạch)</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời = 0,5</i>						
	<i>Không ban hành = 0</i>						
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1					
	<i>Hoàn thành kế hoạch trên 80% = 1</i>						
	<i>Hoàn thành kế hoạch từ 65% đến 80% = 0,75</i>						
	<i>Hoàn thành kế hoạch từ 50% đến dưới 65% = 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành kế hoạch dưới 50% = 0</i>						
2.2.3	Kiểm nghị xử lý kết quả kiểm tra, rà soát	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	6	0	0	0		
3.1	Rà soát, đánh giá Thủ tục hành chính	3	0	0	0		
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định (Có Kế hoạch riêng hoạch năm trong Kế hoạch CCHC năm) <i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>	1					
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính do UBND cấp huyện yêu cầu <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i> <i>Thực hiện từ 65% - 80% kế hoạch = 0,75</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>	1					
3.1.3	Xử lý các vấn đề sau khi rà soát <i>Đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung thay thế bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp pháp, không hợp lý, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định TTHC theo quy định của pháp luật = 1; không thực hiện = 0</i>	1					
3.2	Cập nhật, Công khai, niêm yết thủ tục hành chính	2	0	0	0		
	Cập nhật, Công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC đúng quy định <i>Thực hiện cập nhật, công khai, niêm yết 100% số TTHC = 2</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC được cập nhật, công khai, niêm yết = 1,5</i> <i>Từ 65% - dưới 80% số TTHC được cập nhật, công khai, niêm yết = 1</i> <i>Từ 50% - dưới 65% số TTHC được cập nhật, công khai, niêm yết = 0,5</i> <i>Dưới 50% số TTHC được cập nhật, công khai, niêm yết = 0</i>	2					
3.3	Việc thực hiện đơn giản hóa TTHC (giảm thời gian giải quyết)	1					
	<i>Từ 10% TTHC trở lên được cắt giảm về thời gian giải quyết = 1;</i> <i>Dưới 10% số TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết = 0,5;</i> <i>Không thực hiện = 0.</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	6	0	0	2		
4.1	Tuân thủ các quy định của tỉnh, huyện về tổ chức bộ máy ở cấp xã, thôn/tổ dân phố	1					
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định = 1</i>						
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0</i>						
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	1			1		
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,25; Yếu, kém = 0.</i>						
4.3	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã	1			1		
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,25; Yếu, kém = 0.</i>						
4.4	Thực thi văn hóa công sở và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thi hành công vụ	1					
	<i>Có xây dựng quy chế văn hóa công sở = 1</i>						
	<i>Không xây dựng = 0</i>						
4.5	Đánh giá chất lượng thực hiện văn hóa công sở	1					
	<i>Thực hiện văn hóa công sở tạo chuyển biến rõ rệt về lễ lối làm việc và trách nhiệm của cán bộ, công chức = 1</i>						
	<i>Không đánh giá = 0</i>						
4.6	Xây dựng kế hoạch công tác định kỳ (tháng, quý, năm)	1					
	<i>Có xây dựng kế hoạch = 1</i>						
	<i>Không xây dựng kế hoạch = 0</i>						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ	20	0	0	6		
5.1	Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức	1	0				
	<i>Có quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể = 1;</i>						
	<i>Không có quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	4	0	0	0		
5.2.1	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm theo Kế hoạch của cấp trên	2					
	<i>100% số cán bộ, công chức tham gia đầy đủ = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số cán bộ, công chức tham gia = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% số cán bộ, công chức tham gia = 1</i>						
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cán bộ, công chức tham gia = 0,5</i>						
	<i>Dưới 60% số cán bộ, công chức tham gia = 0</i>						
5.2.2	Tỷ lệ đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ trong năm theo Kế hoạch của cấp trên	2					
	<i>100% tham gia đầy đủ = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% tham gia = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% tham gia = 1</i>						
	<i>Từ 60% - dưới 80% tham gia = 0,5</i>						
	<i>Dưới 60% tham gia = 0</i>						
5.3	Đổi mới công tác quản lý, đánh giá công chức	2.5	0	0	0		
5.3.1	Đánh giá công chức trên cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ được giao	0.5					
	<i>Báo cáo đúng quy định = 0,5; Báo cáo không đúng quy định = 0</i>						
5.3.2	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức cấp xã hằng năm	2					
	<i>100% cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên = 2</i>						
	<i>Có cán bộ, công chức đạt mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực = 1</i>						
	<i>Có cán bộ, công chức đạt mức không hoàn thành nhiệm vụ = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.4	Chất lượng công chức	6	0	0	6		
5.4.1	Năng lực làm việc, nghiệp vụ của công chức <i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>	2			2		
5.4.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức <i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>	2			2		
5.4.3	Thái độ phục vụ của công chức <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1			1		
5.4.4	Cán bộ, công chức thực hiện quy tắc ứng xử của UBND tỉnh <i>Tốt = 1, khá = 0,5; Có người vi phạm = 0</i>	1			1		
5.5	Cán bộ, công chức cấp xã	4	0	0	0		
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn = 2</i> <i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn = 1,5</i> <i>Từ 60% - dưới 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn = 1</i> <i>Dưới 60% cán bộ cấp xã đạt chuẩn = 0</i>	2					
5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn = 2</i> <i>Từ 90% - dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn = 1,5</i> <i>Từ 80% - dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn = 1</i> <i>Dưới 80% công chức cấp xã đạt chuẩn = 0</i>	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
5.6	Kỷ luật, kỷ cương hành chính	2.5	0	0	0		
5.6.1	Xây dựng kế hoạch thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	0.5					
	<i>Có xây dựng kế hoạch = 0,5; Không xây dựng kế hoạch = 0</i>						
5.6.2	Xử lý vi phạm về kỷ luật kỷ cương hành chính	2					
	<i>Không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên = 2</i>						
	<i>Có cán bộ vi phạm mà bị xử lý = 1</i>						
	<i>Có cán bộ vi phạm mà không xử lý = 0</i>						
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	10	0	0	6		
6.1	Quy chế chi tiêu nội bộ của UBND xã	4	0	0	2		
6.1.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						
6.1.2	Điều hành và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ	2			2		
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
6.1.3	Sử dụng kinh phí sai mục đích bị cơ quan có thẩm quyền xử lý (xuất toán, thu hồi...)	1					
	<i>Không bị xử lý = 1; Bị xử lý = 0</i>						
6.2	Thực hiện cơ chế tài chính tại UBND cấp xã	4	0	0	2		
6.2.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại UBND cấp xã	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>						
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại các UBND cấp xã	2			2		
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
6.2.3	Thực hiện phân phối thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trên cơ sở đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ	1					
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
6.3	Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công (Thông báo kết quả sử dụng kinh phí định kỳ hàng quý, năm theo quy định)	2			2		
	<i>Công khai = 2, không công khai = 0</i>						
7	HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	7	0	0	0		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của cấp xã	5,5	0	0	0		
7.1.1	Bổ trí trang thiết bị, hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ, công chức	2					
	<i>100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc = 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc = 1,5</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 90% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc = 1</i>						
	<i>Từ 70% - dưới 80% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc = 0,5</i>						
	<i>Dưới 70% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc = 0</i>						
7.1.2	Tỷ lệ văn bản phát hành của cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	1					
	<i>Từ 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 1</i>						
	<i>Từ 60%-dưới 80% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0,5</i>						
	<i>Dưới 60% số văn bản được phát hành dưới dạng điện tử = 0</i>						
7.1.3	Cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức của cơ quan đơn vị trên trang thông tin điện tử	-1					
	<i>Cung cấp đầy đủ thông tin cán bộ công chức của cơ quan đơn vị = 1</i>						
	<i>Cung cấp thông tin cán bộ, công chức của cơ quan đơn vị nhưng chưa đầy đủ = 0,5</i>						
	<i>Không có thông tin = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
7.1.4	Hoạt động của Trang thông tin điện tử	1					
	<i>Có từ 60 tin bài/năm trở lên được đăng tải = 1</i>						
	<i>Có từ 50 - dưới 60 tin bài/năm trở lên được đăng tải = 0,75</i>						
	<i>Có từ 40 - dưới 50 tin bài/năm trở lên được đăng tải = 0,5</i>						
	<i>Dưới 40 tin bài/năm được đăng tải = 0</i>						
7.1.5	Sử dụng chữ ký số trong giải quyết công việc	0.5					
	<i>Có sử dụng = 0,5; không sử dụng = 0</i>						
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND cấp xã	1.5	0	0	0		
7.2.1	Ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO tại đơn vị	1					
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>						
7.2.2	UBND xã được cấp chứng chỉ ISO và duy trì chứng nhận trong hoạt động quản lý hành chính	0.5					
	<i>Đã được cấp = 0,5; chưa được cấp = 0</i>						
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	21	0	0	6		
8.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp xã	7	0	0	0		
8.1.1	Đơn vị triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2					
	<i>Có thực hiện = 2; Không thực hiện = 0</i>						
8.1.2	Bổ trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1					
	<i>Việc bố trí phân công nhiệm vụ đảm bảo theo quy định = 1</i>						
	<i>Không đảm bảo theo quy định = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8.1.3	Lịch làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1					
	<i>Có lịch làm việc vào tất cả các ngày làm việc theo quy định = 1</i>						
	<i>Không có hoặc có không đảm bảo thời gian theo quy định = 0</i>						
8.1.4	Việc công khai lệ phí giải quyết các TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	<i>Công khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc theo công khai = 1</i>						
	<i>Không công khai đầy đủ hoặc không thực hiện đúng công khai = 0</i>						
8.1.5	Có sổ theo dõi việc tiếp nhận và trả kết quả, phiếu hẹn trả cho người dân, tổ chức khi đến giao dịch	1					
	<i>Có đầy đủ, đúng quy định, được cập nhật hàng ngày và phản ánh đầy đủ theo quy định = 1</i>						
	<i>Có nhưng không cập nhật, phản ánh đầy đủ thông tin = 0,5</i>						
	<i>Không có = 0</i>						
8.1.6	Kết quả giải quyết hồ sơ Thủ tục hành chính	1					
	<i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0,5</i>						
	<i>Dưới 80% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3	0	0	0		
8.2.1	Số lượng các TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	2					
	<i>Trên 80% số lượng TTHC = 2</i>						
	<i>Từ 70% - 80% số lượng TTHC = 1,5</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 70% số lượng TTHC = 1</i>						
	<i>Dưới 50% số lượng TTHC = 0</i>						
8.2.2	Các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1					
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>						
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	5	0	0	0		
8.3.1	Phòng làm việc, chỗ ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch	2					
	<i>Đúng quy định = 2</i>						
	<i>Có bố trí nhưng diện tích chưa đúng quy định = 1</i>						
	<i>Không bố trí phòng làm việc hoặc không bố trí chỗ ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch = 0</i>						
8.3.2	Đảm bảo yêu cầu khác về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận một cửa (máy tính, mạng Internet, máy photocopy, tủ đựng tài liệu)	2					
	<i>Đảm bảo yêu cầu theo quy định = 2</i>						
	<i>Đã đáp ứng nhưng chưa đảm bảo, đầy đủ = 1</i>						
	<i>Chưa đáp ứng = 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Hội đồng thẩm định đánh giá	Điều tra xã hội học		
8.3.2	Bảng niêm yết thủ tục hành chính	1					
	<i>Đúng quy định = 1; Không đúng quy định = 0</i>						
8.4	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	6	0	0	6		
8.4.1	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2		
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình = 1; Yếu, kém = 0.</i>						
8.4.2	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2		
	<i>Đúng quy định = 2; Không đúng quy định = 0</i>						
8.4.3	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			2		
	<i>Tốt = 2; Khá = 1,5; Trung bình 1; Yếu, kém = 0.</i>						
Tổng điểm		100	0	0	25		